

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Loan  
2. Bà Nguyễn Thị Thuởng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2022/TLST -HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Gia B, sinh năm 1972**

**- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977**

Cùng HKTT: Phố 2, phường L, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B và chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Gia B trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/4/1996 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ không thương yêu, quan tâm, chia sẻ với chồng. Vợ chồng đã sống ly thân 3 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/1997; cháu Nguyễn Gia D, sinh ngày 14/12/2002 cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/8/2014. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Còn cháu Thanh V giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Về tài sản và công nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Gia B kết hôn ngày 05/4/1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có quan hệ bất chính với người đàn bà khác và bỏ đến ở với người đàn bà đó đã 03 năm nay không về nhà. Chị H và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, không trở về nhà, không quan tâm đến vợ con. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị H không đồng ý ly hôn vì con cái, vì danh dự, chị muốn vợ chồng đoàn tụ để con cái có đủ cả cha lẫn mẹ.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Gia B có 03 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/1997; cháu Nguyễn Gia D, sinh ngày 14/12/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/8/2014. Chị H không muốn ly hôn nhưng nếu anh B vẫn cương quyết ly hôn, thì ý kiến của chị là: Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thanh V lâu nay ở với chị nên nguyện vọng của chị được nuôi cháu V, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải anh B và chị H đã thống nhất với nhau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Gia B và chị Nguyễn Thị H thống nhất có 03 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/1997; cháu Nguyễn Gia D, sinh ngày 14/12/2002 cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/8/2014. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thanh V giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Gia B và chị Nguyễn Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương, anh B và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh B do mâu thuẫn với vợ nên đã bỏ đi nơi khác sinh sống khoảng 3 năm nay. Anh, chị đã sống ly thân. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị H.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Gia B đối với chị Nguyễn Thị H; Giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng; Cháu T và cháu D đã thành niên nên không giải quyết.

Về tài sản không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Gia B và chị Nguyễn Thị H là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 .

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Gia B và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh B cho rằng chị H không thương yêu, quan tâm, chia sẻ với chồng. Còn chị H trình bày anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân 3 năm nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nhưng chị H vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh B đã không còn tình cảm với chị H. Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyên vọng vợ chồng đoàn tụ của chị H là chính đáng nhưng chị H không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên anh B nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn, tạo điều kiện cho chị H để vợ chồng gần gũi nhau, hàn gắn lại tình cảm nhưng anh B vẫn cương quyết xin ly hôn chị H. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị H không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật

Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Gia B về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Tại Biên bản hòa giải, anh B và chị H đã thống nhất có 03 con chung. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thanh V giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng.

Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Thị Thanh V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Do đó ghi nhận sự thỏa thuận này của anh, chị. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc cháu Thanh V đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Anh B và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:** - Về hôn nhân: Anh Nguyễn Gia B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Công nhận anh Nguyễn Gia B và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/1997; cháu Nguyễn Gia D, sinh ngày 14/12/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/8/2014. Hiện cháu T và cháu D đã thành niên nên không giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 20202 cho đến lúc cháu Thanh V đủ 18 tuổi.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh B và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Gia B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/002103 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh B phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

- Về quyền kháng cáo: Anh B và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ .

*Đã ký*

**Trương Thị Anh**